



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#: 37281

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM PHAM HUU QUYNH
Last Middle First

Current Address: 183C/10E Tôn Thất Thuyết P.4. Q.4 TP HCM

Date of Birth: _____ Place of Birth: _____

Previous Occupation (before 1975) _____
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From _____ To _____
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6.. ADDITIONAL INFORMATION :

The list of the political prisoners and US personnel in Vietnam, they have been LOI by ODP. But the Vietnamese authority delay. Would you please consider to intercede with the Vietnamese authority for them leave from Vietnam.

1. VU VAN ANH, IV69718, 45/36 Nguyen van Dau, Quận Bình Thạnh, Hochiminh City
2. THAI VAN A, IV89582, 308/19 Cach Mang 8, quận 3, Hochiminh City.
3. NGUYEN VAN BINH, IV12722I, 98/3 Cach Mang 8, Quận Tân Bình, Hochiminh City
4. HA TUONG CAT, IV.057490, 26/62 Nguyễn Bình Khiêm, Quận I Hochiminh City
5. PHAN VAN CUY, IV47947, 20/E, 117 Đường 3/2, Quận 10, Hochiminh City
6. DINH HOP, IV 50267, 355/11 Nguyen Minh Chieu, phường 11, Tân Bình HCM. City
7. VU MANH HUNG, IV036575, 650/2I, Dien Bien Phu, Quận 10, Hochiminh City.
8. LUONG THI HANG, IV5559I7, 8 Thai Van Lang, Quận 1, Hochiminh City.
9. TRAN CONG HIEN, IV68843, 220/IOA Hoang Dao, Quận 3, Hochiminh City.
10. LAM VAN HAO, IV7538I, 64 Cao Thang, Quan 3, Hochiminh City.
11. LAM ĐUC HIET, IV45I46, 77 Lê Văn Sĩ, fường 13, Phú Nhuận, Hochiminh City
12. NGUYEN PHUC HUNG, IV66980, 13I/4, Thich quang Đức, Phu Nhuận, Hochiminh City
13. PHAM VAN KHUE, IV083603, 233/29A Nguyễn Trãi, P.15, Q.1, TP Hochiminh
14. VU VAN MINH, IV50735, 45/36, Nguyen van Dau, Quận Bình Thạnh, Hochiminh City
15. HUYNH BA PHUOC, IV86358, 80/32A, Tran quang Dieu, Quan 3, Hochiminh City.
16. NGUYEN QUANG PHUNG, IV2I7I79, 4I/8, Tổ 9, fường 12, Go Vấp Hochiminh City
17. NONG AN PANG, IV 78298, J3, Cư xá Tô Hiến Thanh, Quận 10, Hochiminh City
18. VU VAN QUANG, IV37432, 179/33 Mai Văn Ngọc, quận Phú Nhuận, Hochiminh City
19. HA NGOC PHU, IV94I69, 48/3, khóm 3, Phường 2, Sadéc. Tỉnh Đồng Tháp, Vietnam
20. NGUYEN TRONG PHUOC, IV53609, 83 Ky Con, Quận 1, Hochiminh City.
21. NGUYEN QUANG THIEU, IV549I8, 453/55, Nguyen van Troi, Quận 3, Hochiminh City
22. PHAN VAN TRICH, IV70922, 483/7 Lê Văn Sĩ, Quận 3, Hochiminh City.
23. NGUYEN MANH TONG, IV84I32, 22/I3, Phường 3, Quận Tân Bình, Hochiminh City.
24. LE VAN TAN, IV115732, 102/26A, Ho Biểu Chánh, Phú Nhuận, Hochiminh City.
25. TRAN NGOC UYEN, IV2I0095, 278 Hoa Hưng, Quận 10, Hochiminh City.
26. NGUYEN HUY HOANG, IV228698, 59/9 Nguyen Binh Khiem, Quận 1, Hochiminh City
27. NGUYEN THI THOA, IV204254, 232 Cach Mang 8, Phường 5, Tân Bình, Hochiminh City
28. LE VAN THANH, IV2I5932, 60/I47G Tuệ Tĩnh, fường 13, Quận 11, Hochiminh City
29. PHAM KHAC HIEN, IV2028I4, 107/1 ấp Bau Nai, Dong Hưng Thuận, Hocmon, HCM City
30. PHAM HUU QUYNH, IV3728I, 183C/IOE, Ton That Thuyet, Phường 4, Quận 4, HCM City
31. VU KIM TOAN, IVI2237I, 52 Duy Tân, Quận 3, Hochiminh City.
32. NGUYEN BANG DZUC, IV046945, 18/I2B, Thich Quang Đức, Phu Nhuận, HCM City
33. VU KHAC NHUONG, IV72675, 33I/4.C Lê Văn Sĩ, Quận 3, Hochiminh City.
34. DAO NHUONG, IV538997, 148 Ba Hat, Phường 9, quan 10. Hochiminh City.

Representative Association Vietnamese
former political prisoners.

The second list of the political prisoner
in Vietnam. They have the letter of introduction of CDP.
Would you please consider to intercede with the Vietnamese
authority for them leave from Vietnam as soon as possible.

- 35 NGUYEN BA VAN, IV5I4349, 22/20 cư xá Lũ Gia, P.15, Quận 11, Hochiminh City
- 36 VO HONG DIEP, IV 235706, 65 Tran quang Diệu, Quận 3, Hochiminh City.
- 37 VU DANG THANG, IV5I5082, 650/21 Dien Bien Phu, P.IA. Quận 10, Hochiminh City
- 38 VU THE CAN, IV 5I446I6, 650/2I, Dien Bien Phu, P.IA. Quận 10, Hochiminh City
- 39 NGUYEN THI LE, IV56I02, 85/17, Ấp 1, Xã Long thành Mỹ, Thủ Đức, HCM.City
40. TRAN VAN THUA, IV113283, 16/3B, Tổ 4, Ấp Đình, Xã An Khanh, Thủ Đức HCMCity
41. HOANG NGOC LIEN, IV211925, 166 Cách mạng tháng 8, P.12, Tân Bình, HCMCity.
42. NGUYEN THI LY, IV 59490, 489-A/23/129, Nguyen Huynh Đức, P.13, Phú Nhuận "
- 43 NGUYEN CAO DINH, IV-128428, 611/1E Dien Bien Phu, P.OI, Quận 3, HCM City
- 44 NGUYEN KIAC TU, IV-64I99. 4/47/70. F.7, Quận Tân Bình. TP. Hochiminh.
45. PHAN VAN CU, IV-219107, 29c Thu Khoa Huan, Phan Thiet, Thuận Hải, Vietnam.
46. LE NGOC DAM, IV-38723, 8I Tran Quoc Tuan, Quan Govap, Hochiminh City.
- 47 NGUYEN DINH LANG, IV-45785, 219 Le quang Dinh, Q.Bình Thanh, Hochiminh City.
- 48 NGUYEN VAN HUAN, IV-54I26, 105 lo U, chung cư Ngo Gia Tư, P.12, Q.10 "
- 49 LE NGOC THANH, IV-127640, BB-6 cư xá Bắc Hải, P.15, Q.10, Hochiminh City.
- 50 NGUYEN DINH LANG, IV-45785, 219 Le quang Dinh, Q.Bình Thanh, HCM.City.
- 51 TA HOAN HY, IV-117054, 1120 Ap Tam Ha, Xã Tam Bình, Q.Thu-Đức, HCM City.
52. DOAN QUANG THANG, IV-116244, 8I Nguyen Chi Thanh, phường 5, Vinh Long, Cửu long.

Redmond, January 27, 1989
Representative of the VN. former political prisoners

Khanquyn

Nguyen Kha

27-1-1989

Kính gửi Bà Khúc Minh Thò
Chủ tịch Hội Cựu chiến TNCTVN.

Thưa Bà,

Như theo thư trước đây, tôi có gửi đến Hội một danh sách gồm những anh chị em tù nhân, trong đó chỉ có một gia đình (số 8) chỉ tưởng như Hằng, là nhân viên làm cho U.S. Customs. Trong danh sách này, anh chị em yêu cầu rằng xin cho họ biết họ có được ghi trong danh sách 11.000 tù nhân và 40.000 thân nhân của tù nhân đã được Hoa Kỳ gửi cho Hawaii vào tháng 8/1988?

Cũng theo danh sách này anh chị em đã được cấp LOI do ODP. Có người đã được cấp tư vấn năm nay!

Chúng tôi cũng mới đọc hồ sơ của Hội trên VNTP. rất cảm thông sâu xa với Hội. Vì tôi thấy rằng chỉ có một số anh chị em liên lạc với chúng tôi, để chuyển đạt hồ sơ của họ, những chi phí tem thư, photocopy... đã thấy nam giới. Thường chỉ tại Hội phải giải quyết cho 5, 6 ngàn hồ sơ!

Với thân phận một chiến binh già (sinh 1919) rút lui từ năm 1982. Cũng không có nơi nào muốn làm việc. Tôi đánh chữ 12 xin gửi đến quý Hội 10 để mua tem thư cho anh chị em tù nhân.

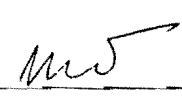
(Trong danh sách số 19, anh Hà Ngọc Phú đồng hương Sadee)

Xin ông Trần Chúc phúc cho Bà và quý Hội đạt nhiều thành quả cứu giúp anh chị em tù nhân bên nhà sớm thôi!
nguyện.

Xin list 52 tù nhân + bị thức cũ tìm -

Trần Trọng
Nguyễn Kha

Xin miễn phí thư này trên báo.
Cảm ơn Bà

MARIA HIEP NGUYEN TRAN		352
1/27 1989		19-7117/3250
Pay to the order of	Hội Cựu chiến TNCTVN.	\$110.00
Ten no/leo		Dollars
 Overlake Park Branch Puget Sound Savings Bank 15110 N.E. 24th Street Redmond, Washington 98052		
For	Nguyễn Kha	

---*---

Ngày 30 Tháng 04 Năm 1989

Kính gửi : Ông Phạm Hữu Quỳnh

Thưa Ông/Bà,

Chúng tôi rất cảm động khi nhận được thư của Ông/Bà
đề ngày

Điều làm cho chúng tôi vui mừng hơn là được biết Ông/Bà
vẫn mạnh và kiên tâm chờ ngày đoàn tụ.

Mặc dù đường xá xa xôi, cách trở ngàn trùng, Ông/Bà vẫn
nhớ đến chúng tôi. Để đáp lại thịnh tình đó, chúng tôi luôn
luôn lo xúc tiến công việc, hy vọng mọi diễn tiến điều hòa để
sớm đem lại kết quả mong muốn.

Tuy nhiên, chúng tôi thiên nghĩ chỉ lo dồn phướng được
những vấn đề về phía chúng tôi, còn phần bên phía Ông/Bà nên
tích cực tự lo về phần liên hệ của mình thì mới mong có kết
quả tốt đẹp.

Hơn nữa, chúng tôi cũng muốn lưu ý Ông/Bà, vấn đề kinh
tế không phải là một tiêu chuẩn, vì vậy ta nên tranh đề cấp
tối. Mong Ông/Bà hiểu cho điều này.

Câu chúc Ông/Bà may mắn và xin giữ vững niềm tin.

Kính thư,

Khúc Minh Thơ

HỒ SƠ TÊN:

PHẠM HUU QUYNH

Y ĐIỀN VÀO CÁC MẪU ĐÍNH KẸM: (hoàn về Hội mỗi mẫu 2 bản)

TÀI LIỆU CẦN BỔ TỤC:

- ☐ Hồ sơ bảo trợ ☐ IV# , ☐ LOI , ☐ Exit visa , ☐ I-171 , ☒ GIẤY RA TRẠI
- ☒ Giấy hồ tịch (khai sanh, hôn thú, giấy ly dị, khai tử v.v...
- ☒ Căn cước, chứng minh nhân dân, hình, giấy hộ khẩu v.v...
- ☐ Giấy bảo tử (nếu chệt trong trại học tập)
- ☒ Tài liệu liên hệ đến tư nhân (mẫu câu hỏi ODP, Diploma, Certificate (nếu tu nghiệp ở Hoa K
huy chương v.v...

CÁC THƯ KHÁC:

BR.
C/O. Nguyen

EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA
BANGKOK, THAILAND

JUL 25, 1988

TO WHOM IT MAY CONCERN:

PHAM HUU QUYEN	BORN	1 MAY 40	(IV 72211)
LE HUU NGU	BORN	13 MAR 40	WIFE
PHAM HOANG VIET	BORN	18 AUG 67	UNMARRIED SON
PHAM HANG MINH	BORN	12 JAN 70	UNMARRIED SON
PHAM AI QUOC	BORN	4 JUL 71	UNMARRIED SON
PHAM KIEU HUNG	BORN	11 MAY 73	UNMARRIED SON
PHAM NGOC THIEN NGA	BORN	25 FEB 75	UNMARRIED DAUGHTER
PHAM NGOC THIEN TUE	BORN	28 OCT 76	UNMARRIED DAUGHTER

ADDRESS IN VIETNAM: 1B3C/10E TON THAT THUYET
P 04
Q 04
T/P HO CHI MINH

VEWL#: 43120

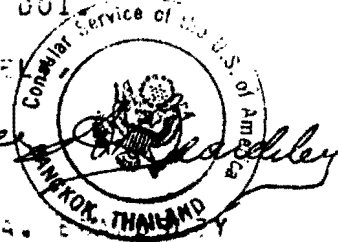
NHUNG NGUOI CO TEN TREN DAY DUOC CHU NHU TAM DU TIEU-CHUAN DE DINH-CU TAI HOA-KY. TUY NHIEN, SU QUYET-DINH CUOI CONG DE HOI DU DIEU-KIEN CON TUY TRUOC VAO CUOC PHONG-VAN CUA VIEN-CHUC SO DI-TRU HAY TUY VIEN LANH-SU HOA-KY VA KET-QUA VIEC KHAM SUC KHOE VA THU-NGHIEM Y-TE CAN THIET. DE CO SU CHAP-THUAN CUOI CONG CUA VIEN-CHUC HOA-KY, VA TRUOC KHI ROI KHOI VIET-NAM, MOI NGUOI CAN CO SUC KHOE TOT DEP VA HOI DU NHUNG DIEU-KIEN CUA LUAT DI-TRU HOA-KY.

VI THE, TRONG TRUONG HOP NHUNG NGUOI NAY DUOC CHINH-QUYEN VIET-NAM CHO PHEP XUAT-CANH, CHUNG TOI YEU CAU QUY VI CHU PHEP HO DUOC THI HANH TAI VIET-NAM NHUNG THU-TUC CAN THIET LIEN-QUAN CEN HO-DO XIN ROI KHOI VIET-NAM, THEO CHUONG-TRINH RA DI CO TRAT TU (DDP), KE CA NHUNG THU-TUC KHAM SUC-KHOE, THU-NGHIEM Y-TE CAN THIET VA DUOC CHINH-QUYEN VIET-NAM CHO PHEP GAP VIEN-CHUC CO THAM-DUYEN CUA CHINH-PHU HOA-KY DE DUOC PHONG-VAN.

DIEU KIEN DUOC DINH-CU TAI HOA-KY CUA BAT CU NGUOI NAO CO TEN TRONG TO THU NAY, CO THE KHONG CON HIEU LUC NUA, TRONG MOT SO TRUONG HOP, BAO GOM CA HON-NHAN, LY-DI, DEN TUOI 21, HAY QUA DOI.

SINCERELY

BRUCE A. E.
DIRECTOR
ORDERLY DEPARTURE OFFICE



ODP-I
07/88

0730407

6-11-78

HEADQUARTERS
UNITED STATES MILITARY ASSISTANCE COMMAND, VIETNAM
APO San Francisco 96222

GENERAL ORDERS
NUMBER 5083

6 December 1971

Section
AWARD OF THE ARMY COMMENDATION MEDAL.....I
AWARD OF THE ARMY COMMENDATION MEDAL (FIRST OAK LEAF CLUSTER).....II

Section I

AWARD OF THE ARMY COMMENDATION MEDAL

I. TC 439. The following AWARDS are announced.

Awarded: Army Commendation Medal
Dates of service: As indicated
Theater: Republic of Vietnam
Authority: By direction of the Secretary of the Army under the
provisions of AR 672-5-1
Reason: For meritorious service

[REDACTED] CPL 1ST CL ARVN
Dates of service: July 1970 to September 1971

[REDACTED] SFC ARVN
Dates of service: February 1969 to November 1971

[REDACTED] 2LT CE ARVN
Dates of service: November 1970 to November 1971

[REDACTED] CPL 1ST CL ARVN
Dates of service: November 1970 to November 1971

[REDACTED] SFC ARVN
Dates of service: September 1969 to November 1971

*→ QUYNH, PHAM HUU 60/199348 SFC ARVN
Dates of service: October 1970 to October 1971

[REDACTED] CPT ARVN
Dates of service: October 1970 to October 1971

[REDACTED] SFC ARVN
Dates of service: April 1970 to October 1971

[REDACTED] CPT ARVN
Dates of service: February 1970 to September 1971

Section II

AWARD OF THE ARMY COMMENDATION MEDAL
(FIRST OAK LEAF CLUSTER)

GO 5083, HQ USMACV, dated 6 December 1971, Section II (Cont)

1. TC 439. The following AWARD is announced.

MAJ INF ARVN

Awarded: Army Commendation Medal (First Oak Leaf Cluster)

Dates of service: November 1970 to November 1971

Theater: Republic of Vietnam

Authority: By direction of the Secretary of the Army under the provisions of AR 672-5-1

Reason: For meritorious service

FOR THE COMMANDER:

OFFICIAL:

DONALD H. COWLES
Major General, USA
Chief of Staff



W. A. RITTLING
Colonel, USA
Adjutant General

DISTRIBUTION:
Special

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC Số: 005 362

Họ Tên: PHẠM-HỮU-QUYNH

Ngày, nơi sinh: 1940
Vũ-Lạc, Nam-Binh

Cha: Phạm-Hữu-Sang
 Mẹ: Trần-Thị-Huyền
 Địa chỉ: ĐP-2, An-Fam, Bình-Chánh



Đặc vật riêng: Nốt ruồi dưới
đôi mày trái.

Cao: 1 th 55 **TVN**
 Nặng: 50 **Kg**

Chữ ký đương sự: [Signature]

Bình-Chánh, ngày 06-02-1971
TRƯỞNG-TY CSQG GIADINH

[Signature]
VÕ-VĂN-XÉT

Ngón trỏ mặt: [Fingerprint]
 Ngón trỏ trái: [Fingerprint]

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC Số: 02084970

Họ Tên: TRẦN-HỮU-MINH

Ngày, nơi sinh: 03-01-1942
Mỹ-Thạnh, Đông-Tân-An

Cha: Trần-Văn-Thơ
 Mẹ: Trương-Thị-Hà
 Địa chỉ: 210 Tân-Dan



Đặc vật riêng: Nốt ruồi 3 sau
khỏe miệng trái

Cao: 1 th 46
 Nặng: 43 **Kg**

Chữ ký đương sự: [Signature]

Saigon, ngày 28/6/69
TUN. GIÁM ĐỐC CẢNH SÁT QCHT
TRƯỞNG TY CSQG. QUẬN TỰ

[Signature]
LÂM NGUYÊN TÀI

Ngón trỏ mặt: [Fingerprint]
 Ngón trỏ trái: [Fingerprint]

(LƯU VẬT)

A. Basic Identification Data:

1. Name : PHẠM HỮU QUỲNH
 2. D/P of birth : 13 mar 1940 / Nam Định - Vietnam
 3. Home address : 183C/10E Tôn thất Thuyết, P4-Q4, TP.HCM-VN
 4. Mailing address : Mr. Nguyễn trọng Kha
 : 17614 NE 29th Street, Redmond WA.98052, USA
 5. Current occupation : Mechanician.

B. Relatives to accompany me:

No:	Name	DOB	POB	Sex	Relationship
1:	Lê hữu Ngự	1942	Long-An	F	Wife
2:	Phạm hoàng Việt	1967	Saigon	M	Unmarried son
3:	Phạm hằng Minh	1969	Saigon	M	Unmarried son
4:	Phạm ái Quốc	1971	Saigon	M	Unmarried son
5:	Phạm kiều Hưng	1973	Thụ-Đức	M	Unmarried son
6:	Phạm Ngọc Thiên Nga	1975	Thụ-Đức	F	Unmarried daughter
7:	Phạm Ngọc Thiên Tuê	1976	Cu-Chi	F	Unmarried daughter

C. Relatives outside Vietnam : None**D. Complete family listing (living/dead) :**

Relationship	Name	DOB	POB	Address
1: Father	Phạm hữu Song	1912	Nam Định	dead (1985)
2: Mother	Trần thị Hien	1916	Nam Định	dead (1948)
3: Spouse	Lê hữu Ngự	1942	Long-An	183C/10E Tôn Thất
4: Children (1)	Phạm hoàng Việt	1967	Saigon	Thuyết, P.4-Q.4
(2)	Phạm hằng Minh	1969	Saigon	TP/HCM - Vietnam
(3)	Phạm ái Quốc	1971	Saigon	-id-
(4)	Phạm kiều Hưng	1973	Thụ-Đức	-id-
(5)	Phạm ngọc Thiên Nga	1975	Thụ-Đức	-id-
(6)	Phạm ngọc Thiên Tuê	1976	Cu-Chi	-id-
5: Siblings(bro)	Phạm hữu Phương	1946	Saigon	dead (1968)

E. US Government Employee :

1. Name : Phạm Hữu Quỳnh
 2. Service duration : From 1966 to 1973
 3. Position : SFC Interpreter with US Army Commendation Medal congratulated in 1970
 4. US Training Course : Armed Forces Language School managed by the Military Assistance Command in Vietnam(MACV)

5- Military Units	6- Supervisors.
(1) US 9th Infantry Division	(1) Brigadier General US Army
: APO SF 96370 US Army	: Frederick A. Schaefer, III
(2) Advisory Team 44, Gia-định sector	(2) CPT Charles J. Forest, Advisor
(3) Joint Military Commission(JMC)	(3) LTC Paterson, A Team Leader
: Alpha Team, Long-An Sector	:

7. Reason for leaving : Redeployment of US Forces.

F. Remarks N/A

Signature:

Phạm H. Quỳnh

Date: 29 May 1989

PHẠM HỮU QUỲNH

BỘ TƯ-PHÁP

Số: 8687

BY/5

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

Ngày 16 tháng 9 năm 1961

TOÀ HOÀ-GIẢI ĐÓ-THÀNH
SAIGONGIẤY THẾ-VÌ KHAI-SANH CHO
PHẠM HUU QUYNH

Năm một ngàn chín trăm 61 ngày 16 tháng 9 giờ 7 giờ 30

Trước mặt chúng tôi là NGUYEN VAN DOANH, Chánh-án Toà Hoà-Giải
Đô-Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có lực-sự
PHAM THE MUI, phụ-tá

ĐÃ TRÌNH DIỆN:

- 1.— O. BUI ĐUC CHINH
- 2.— O. NGUYEN VAN LONG
- 3.— O. NGUYEN MANH LONG

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc



PHAM HUU QUYNH (nam)

sinh ngày 13-3-1940 tại Vũ Lao, Nam - định
con của O. PHAM HUU SONG và bà TRAN THI HIEN.--

Và duyên cớ mà
khai-sanh được, là vì

ý
sự giao thông gián đoạn.

không có thể xin sao-lục

Mấy nhân-chứng đã xác nhận trên đây, nên chúng tôi phát giấy thế-vì khai-sanh này
cho đương-sự đề xử dụng theo luật, chiếu theo Nghị-Định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của
Trủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp theo của bộ hình-
luật canh-cải phạt tội nguy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến
8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và lực-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ :



lực-sao y,
18 tháng 10 năm 1961
Lực-Sự.

GIÁ TIỀN : 5\$00

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THÀNH PHỐ

Tỉnh Hậu-Phiếu

Quận Đức-Huộc

Xã Hiệp-Hòa

Số hiệu: 7



Tên, họ người chồng Phạm-hữu-QUYỀN

nghề-nghiep Quan-nhan

sinh ngày tháng năm 1940

tại Vũ-lao (Nam-Định)

cư - sở tại

tạm - trú tại Hiệp-hòa

Tên, họ cha chồng Phạm-hữu-sông (sống)

(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ mẹ chồng Trần-thị-Hiệp (chết)

(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ người vợ Lê-hữu-Ngư

Nghề-nghiep Nội-trợ

sinh ngày tháng năm 1942

tại Mỹ-Thạnh-Lông (Long-an)

cư - sở tại

tạm - trú tại Hiệp-hòa

Tên, họ cha vợ Lê-văn-Thơm (sống)

(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ mẹ vợ Trương-thị-Hải (sống)

(Sống chết phải ghi rõ)
Ngày hai mươi tám tháng bảy dương lịch, năm
— Ngày cưới một ngàn chín trăm sáu mươi bảy (hai II' giờ)

— Vợ chồng có khai hay không lập hôn-khế

ngày tháng năm

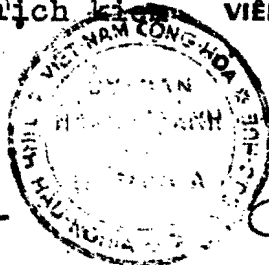
tại

(Trích y bản chánh)

Hiệp-Hòa, ngày 2 tháng 8 năm 1967
Chủ-Tịch kiêm VIÊN-CHỨC HỘ-TỊCH,

CHỨNG-THẬT

Chủ tịch bản cấp Hà-Phước-Côn
Xã Hiệp-Hòa ngày 9 tháng 8 năm 1967



HÀ-PHƯỚC-CÔN

Tỉnh LONG-ANSố hiệu 719Quận ĐỨC-HÒAXã MỸ-THÀNH-ĐÔNG

BỘ KHAI SANH

Năm 1942Tên họ ấu nhi LÊ - HỮU - NGUYỄNPhái Nữ

Sanh Mười ba, tháng ba, năm một ngàn chín
 ngày tháng năm trăm bốn mươi hai (13/3/1942)

Tại Xã Mỹ-Thành Đông, Quận Đức Hòa, Long-AnCha Lê-văn-Thơ

tên họ

Nghề Làm ruộngCư trú tại Xã Mỹ-Thành Đông, Quận Đức-Hòa, Long-AnMẹ Trương-thị-Ái

tên họ

Nghề Làm ruộngCư trú tại Xã Mỹ-Thành-Đông, Quận Đức-Hòa, Long-AnVợ Vợ chánh

chánh hay thứ

MIỄN THỊ THỰC

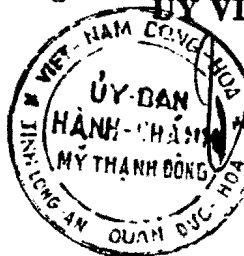
TCVT SẾ 9475/BNV/HC 29

Ngày 22-10-1971 của Bộ Nội Vụ

TRÍCH Y BẢN CHÍNH

Nữ-Thành-Đông ngày 19 tháng 3 năm 1972

ỦY VIÊN HỘ TỊCH XÃ



LÊ VĂN TÀI

ĐÔ THÀNH SAIGON

VIỆT NAM CỘNG HÒA

TÒA HÀNH CHÍNH QUẬN

HỘ - TỊCH

Số hiệu: 1067

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy (1967)



Tên họ đứa nhỏ	PHẠM-HOÀNG-VIỆT
Phái	Nam
Ngày sanh	Ngày chín, tháng tám, năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy
Nơi sanh	Quận 4, Saigon
Tên họ người cha	Phạm-Hữu-Quỳnh
Tuổi	
Nghề nghiệp	Thợ may
Nơi cư ngụ	44/8 Hoàng-Diệu, Thủ Đức
Tên, họ người mẹ	Lê-Hữu-Nguyệt
Tuổi	
Nghề nghiệp	Nội trợ
Nơi cư ngụ	44/8, Hoàng-Diệu, Thủ Đức
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 22 tháng 8 năm 1967

TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÍNH

Saigon, ngày 21 tháng 10 năm 1969

QUẬN - TRƯỞNG QUẬN TƯ



Handwritten signature.

Số hiệu: 1678

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm Sáu mươi chín (1969)



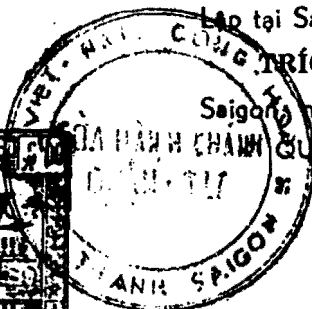
Tên họ đứa nhỏ	PHẠM-HẰNG-MINH
Phái	Nam
Ngày sanh	Mười hai, tháng giêng, năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín .
Nơi sanh	Quận 4, Saigon
Tên họ người cha	Phạm-Hữu-Quỳnh
Tuổi	
Nghề nghiệp	Thợ may
Nơi cư ngụ	44/8 Hoàng-Diêu, Thủ Đức
Tên, họ người mẹ	Lê-Hữu-Ngư
Tuổi	
Nghề nghiệp	Nội-trợ
Nơi cư ngụ	44/8, Hoàng Diệu, Thủ Đức
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 15 tháng 07 năm 1969

TRÍCH-LỤC Y BÀN CHÍNH

Saigon, ngày 07 tháng 11 năm 1969

QUẬN - TRƯỞNG QUẬN



LÊ-HIỆU-NGHĨA

BỘ THÀNH SAIGON

VIỆT NAM CỘNG HÒA

TÒA HÀNH CHÍNH QUẬN 4

HỘ-TỊCH

Số hiệu: 1085

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm bảy mươi một (1971)



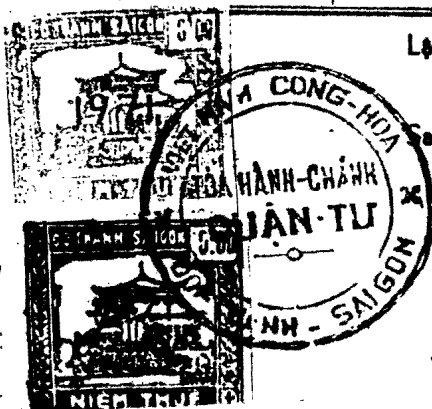
Tên họ đứa nhỏ	PHẠM-ÁI-CƯỚC
Phái	Nam
Ngày sanh	Bốn tháng bảy năm một ngàn chín trăm bảy mươi một
Nơi sanh	Quận 4, Saigon
Tên họ người cha . . .	Phạm-Hữu-Cường
Tuổi	
Nghề nghiệp	Thợ may
Nơi cư ngụ	44/8 Hoàng-Diệu, Thủ Đức
Tên, họ người mẹ . . .	Lê-Hữu-Ngư
Tuổi	
Nghề nghiệp	Nội-trợ
Nơi cư ngụ	44/8, Hoàng-Diệu, Thủ Đức
Vợ chánh hay thứ . . .	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 07 tháng 7 năm 1971.

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÍNH

Saigon, ngày 21 tháng 10 năm 1971

QUẬN - TRƯỞNG QUẬN 4



(Handwritten signature)

NGUYỄN MẠNH HUYỀN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH

QUẬN PHÚ-ĐỨC

XÃ BÌNH-NHÂN-ĐÔNG

Số hiệu 1670

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI - SANH

Lập ngày 28 tháng 2 năm 1975

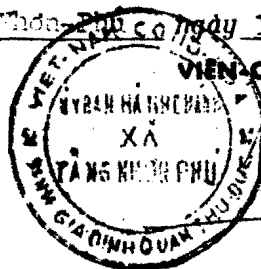


Tên họ đứa trẻ	PHẠM-NGỌC THIÊN-NGA
Con trai hay con gái .	Nữ
Ngày sanh	Mười lăm, tháng hai, năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm (25-02-1975)
Nơi sanh	Xã-Bình-Nhân-Đông, Quận-Phú-Đức
Tên họ người cha . .	Phạm-Hữu-Quỳnh
Tên họ người mẹ . .	Lê-Hữu-Tuyết
Vợ chánh hay không có hôn thú	Chánh
Tên họ người đứng khai	Phạm-Hữu-Quỳnh

MIỄN THU-YẾU
TC.CV.Số 4367/BNV/HĐ/74
Ngày 03-08-1970

TRÍCH Y BẢN CHÍNH

Tổng-Miền-Đông, ngày 16 tháng 2 năm 1975



VIỆN-CHỨC HỘ-TỊCH

[Handwritten signature]

NGUYỄN-VĂN-NGÂN

Đ. hiệu 1078

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI - SANH

Lập ngày 04 tháng 7 năm 19 73

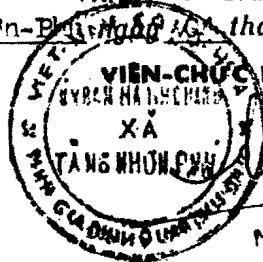


Tên họ đứa trẻ	PHẠM KIỀU HÙNG
Con trai hay con gái .	Nam
Ngày sanh	Ngày Một, tháng năm, năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba (01-5-1973)
Nơi sanh	Tăng-Nhơn-Phủ, Thủ-Đức
Tên họ người cha . .	Phạm-Hữu-Quyên
Tên họ người mẹ . .	Lê-Hữu-Ngư
Vợ chánh hay không có hôn thú	Chánh
Tên họ người đứng khai	Phạm-Hữu-Quyên

MIỄN THU - THUỘC
TC.CV.SĐ 4366/SS/HC/HM
Ngày 03-08-1978

TRÍCH Y BẢN CHÍNH

Phân-Nhân-Phẩm tháng 7 năm 1973



NGUYỄN VĂN NGÂN

MAZ ET3473

Số 101
Quyền số 101

[illegible]

Đã ký ngày _____ tháng _____ năm 198 _____
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Ngày 17 tháng 5 năm 1988

Định nghĩa Đường kính là đoạn thẳng đi qua tâm, nối hai điểm nằm trên đường tròn.

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

MIÉ

Ther. - Ind.

SỰ - VỤ - LỆNH

VIỆT-NAM CỘNG HÒA

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

QUÂN-ĐOÀN III và VÙNG 3 C.T.

BỘ THAM - MƯU

Phòng Tổng-Quản-Trị

Số _____ /TM/QĐ3/TQT/NV /3

Trung-Tướng LÊ-NGUYỄN-KHANG Tư-Lệnh Quân-Đoàn III kiêm
Tư-Lệnh Vùng 3 Chiến-Thuật cho phép:

HỌ VÀ TÊN : (Cấp bậc, số quân)

-KS/HSQ/TDV/TB PHẠM HỮU QUỲNH sq 60/199.348

ĐI TỪ : BTL/QĐIII/TQT ĐẾN Sư-Đoàn 9 BB/Hoa Kỳ

LÝ DO : Đeo nhậm dón vi mới

THAM CHIỀU : LTC số 10.174/TM/TQT/QN/BN2/TDV ngày 22/8/67
của Bộ TM.

PHƯƠNG TIỆN DI CHUYỂN : Do Mỹ cung cấp

NGÀY ĐI : 01/9/1967

NGÀY VỀ : Không

MANG THEO : quân trang cá nhân.

Yêu cầu các cơ quan QUÂN DÂN CHÍNH giúp đỡ cho đường sự được dễ
dàng trong khi thi hành công vụ.

KBC. 3177, ngày 01 tháng 09 năm 1967

TL. Đại-Tá NGUYỄN THANH HOÀNG

Tham-Mưu Trưởng

Thiếu-Tá NGUYỄN-NGỌC-KHÔI

Trưởng-Phòng Tổng-Quản-Trị

Đại-Uý NGUYỄN-VĂN-PHÂN

Phó-Trưởng-Phòng

NƠI NHẬN :

Đương sự "đề xử dụng"

-SĐ9BB/HK

-Macv/QĐIII/TQT

-ĐETHĐ/QĐIII

-H/L.

Dân tộc: **kinh** Tôn giáo: **phật**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo chằm c, 1,5cm dưới
sẹo dưới mày trái.

Ngày 6 tháng 7 năm 1984
KIỂM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
Thanh Vân
L. Thanh Vân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022 14008**

Họ tên: **PHẠM HOÀNG VIỆT**

Sinh ngày: **1967**

Nguyên quán: **Nam Triệu, Hà Nam Ninh**

Nơi thường trú: **181C/108 Tôn-
Thuyết, Q.4, TP. Hồ Chí Minh**

Dân tộc: **kinh** Tôn giáo: **phật**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo chằm c, 2,5cm trên
sau đầu mày trái.

Ngày 6 tháng 7 năm 1984
KIỂM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
Thanh Vân
L. Thanh Vân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022 14008**

Họ tên: **PHẠM HANG KINH**

Sinh ngày: **12-1-1967**

Nguyên quán: **Nam Triệu, Hà Nam Ninh**

Nơi thường trú: **181C/108 Tôn-
Thuyết, Q.4, TP. Hồ Chí Minh**

Dân tộc: **Kinh** Tôn giáo: **Phật**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo chằm cách 6 cm
trên trước đầu mày
trái.

Ngày 11 tháng 05 năm 1986
KIỂM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
Thanh Vân
L. Thanh Vân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022 14889**

Họ tên: **PHẠM ÁI QUỐC**

Sinh ngày: **1971**

Nguyên quán: **Nam Triệu, Hà Nam Ninh**

Nơi thường trú: **183C/108 Tôn-
Thuyết, Q.4, TP. Hồ Chí Minh**

Dân tộc: **kinh** Tôn giáo: **phật**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo chằm 6cm trên
sau dưới mắt phải

Ngày 6 tháng 4 năm 1984
KIỂM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
Thanh Vân
L. Thanh Vân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022 91538**

Họ tên: **PHẠM LUY HÙNG**

Sinh ngày: **1973**

Nguyên quán: **Nam Triệu, Hà Nam Ninh**

Nơi thường trú: **183C/108 Tôn-
Thuyết, Q.4, TP. Hồ Chí Minh**